

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI XÃ HỘI CỦA THÁI LAN VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

LÊ PHƯƠNG HÒA*

Tóm tắt: Phúc lợi xã hội là một bộ phận của thu nhập quốc dân, được dùng để làm thỏa mãn nhu cầu về vật chất và tinh thần của người dân trong xã hội. Có nhiều cách tiếp cận phúc lợi xã hội khác nhau, theo nghĩa hẹp phúc lợi xã hội là sự chuyển giao phúc lợi cho các nhóm đối tượng dễ gặp tổn thương. Một số nhà hoạch định chính sách đánh đồng bảo trợ xã hội với mạng lưới an sinh xã hội hay những can thiệp nhằm tạo điều kiện để người nghèo chống lại các cú sốc trong quá trình sản xuất và tiêu dùng. Một số khác có cách tiếp cận rộng hơn, bao gồm trợ cấp giáo dục, y tế, tạo việc làm, các chương trình tín dụng vi mô, cũng như mạng lưới an toàn cho các nhóm có thể dễ bị tổn thương trước những cú sốc. Tại Thái Lan, hệ thống phúc lợi xã hội được hình thành từ khá sớm nhưng các chính sách đầu tư cho phúc lợi xã hội mới chỉ thực sự được chú trọng từ thời Thủ tướng Thaksin với chính sách “dân tủy”. Từ đó đến nay, chính sách phúc lợi xã hội của Thái Lan đã gặt hái được nhiều thành công, tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều vấn đề cần giải quyết. Việt Nam là nước đi sau Thái Lan về thu nhập và một số vấn đề xã hội như giáo dục, y tế, đồng thời Việt Nam cũng là nước đang trên đường tiến vào ngưỡng dân số già hóa như Thái Lan. Những bài học về phúc lợi xã hội ở Thái Lan có ý nghĩa thực tiễn đối với xây dựng và hoàn thiện chính sách phúc lợi xã hội ở Việt Nam trong vấn đề xác định đối tượng trợ giúp và phương thức trợ giúp xã hội.

Từ khóa: Thái Lan; Phúc lợi xã hội; chính sách phúc lợi xã hội.

Mở đầu

Phúc lợi xã hội được xem là một trong những công cụ quan trọng của Nhà nước trong ổn định xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật cho những đối tượng cần được xã hội trợ giúp, thường là nhóm người nghèo, người yếu

thế, người bị tác động bởi các cú sốc. Phúc lợi xã hội đã trở thành thang đo cho sự phát triển của một quốc gia. Xã hội nào có phúc lợi cho người dân cao, xã hội công bằng được đánh giá là xã hội phát triển văn minh. Xu hướng cho thấy các nước càng phát triển thì phúc lợi xã hội càng

* TS. Lê Phương Hòa, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

cao. Do vậy, đảm bảo phúc lợi xã hội cho người dân là một trong những mục tiêu của xã hội dân chủ, bình đẳng và bác ái.

Chính sách phúc lợi xã hội là tổng hợp các quy phạm pháp luật quy định người lao động và một số thành viên trong gia đình họ được hưởng một khoản tiền trong những trường hợp cần thiết, phù hợp với khả năng chi trả và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Nội dung chế độ phúc lợi thường bao gồm các chế độ ngoài thù lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ trợ giúp khi khó khăn, trợ giúp xã hội cho người yếu thế... Tùy theo điều kiện kinh tế xã hội của từng thời kì khác nhau mà pháp luật quy định về các trường hợp được trợ cấp, điều kiện trợ cấp, mức trợ cấp... khác nhau. Hiện nay, hình thức trợ cấp chủ yếu bằng tiền, có thể là thường xuyên, hàng tháng (trợ cấp thương tật...) hoặc một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp tiền tuất một lần hoặc hàng tháng.

Chức năng chính của chính sách phúc lợi là nhằm bảo vệ và chống lại hậu quả tiêu cực từ công việc, duy trì khả năng làm việc và bảo vệ người dân khỏi sự lạm dụng và các tác động bên ngoài. Chức năng tiếp theo chính là phân phối và phân phối lại thu nhập dưới dạng tiền và hiện vật. Một chức năng khác của chính sách phúc lợi là tạo ra sự ổn định xã hội để duy trì và cải thiện năng suất thông qua các chương trình y tế, giáo dục, đào tạo, v.v...

Việc triển khai các chính sách phúc lợi xã hội là cần thiết bởi đầu tư vào con người giúp nâng cao năng lực và năng suất của lực lượng lao động, góp phần vào sự phát triển chung của quốc gia. Các chính sách

phúc lợi dành cho các đối tượng được xã hội bảo trợ, việc tăng thu nhập cho người nghèo góp phần làm tăng sức cầu, từ đó khuyến khích tăng trưởng; tiêu dùng nhiều hơn cũng đóng góp làm tăng quy mô thị trường. Trong sự phát triển chung, xã hội càng bất bình đẳng thì càng dễ kìm hãm sức tăng trưởng kinh tế. Bất bình đẳng hay căng thẳng xã hội thường dẫn đến các xung đột bạo lực mà kết cục là gây mất ổn định, là mầm mống hình thành nên các đối tượng chống đối hay các hành vi khủng bố. Do vậy, chính sách phúc lợi xã hội giúp giảm bất bình đẳng, tạo nên sự ổn định và góp phần thúc đẩy phát triển.

1. Chính sách phúc lợi xã hội của Thái Lan

Thái Lan đã xây dựng được hệ thống an sinh tương đối đồng bộ từ các luật lệ, chính sách cho đến việc triển khai thực hiện từ trung ương xuống địa phương với các chế độ đảm bảo cuộc sống cho người dân. Mặc dù vậy, việc đòi hỏi về an sinh xã hội tăng nhanh cả về số lượng, chất lượng trong khi nguồn lực huy động từ nhà nước, xã hội và cả của tư nhân có hạn nên không thể đáp ứng được nhu cầu cho mọi đối tượng. Vì vậy, Thái Lan đã thực hiện chế độ trợ trợ giúp xã hội nhằm hỗ trợ các đối tượng yếu thế: người già, người nghèo, người bị tác động bởi các cú sốc... Đây thực sự là cách thức quan trọng để giúp đỡ những người có hoàn cảnh bị tổn thương nhằm giúp họ vượt qua khó khăn và cải thiện cuộc sống.

1.1. Chính sách phúc lợi cho người già

Thái Lan hiện nay là quốc gia có tỷ lệ người già cao thứ 2 sau Singapore ở khu vực

Đông Nam Á và điều đáng lo ngại là tốc độ già hóa đang tăng nhanh. Tỷ lệ người già tăng và tỷ lệ sinh giảm sẽ là những chỉ báo đáng báo động về một xã hội già hóa. Theo dự báo, ở Thái Lan, tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên đang tăng nhanh. Nếu năm 2020 tỷ lệ người già chiếm 13% dân số, thì các con số của năm 2025 là 16,2%, năm 2040 là 26,25 và năm 2050 là 29,6%⁽¹⁾. Hơn thế nữa, số người già trên 80 tuổi cần chăm sóc dài hạn cũng tăng nhanh: từ 2,2% năm 2015 lên đến 10,7% năm 2050⁽²⁾. Rõ ràng, người già đã trở thành mối quan tâm đặc biệt trong xã hội và việc chăm sóc người già là công việc được chia sẻ bởi gia đình, cộng đồng xã hội và nhà nước. Điều này đã được khẳng định trong Chương trình chiến lược quốc gia lần thứ hai về người cao tuổi giai đoạn 2002 - 2021⁽³⁾.

Trợ cấp người già được áp dụng từ năm 1993 để cung cấp thu nhập cho người già, người nghèo hoặc tàn tật. Năm 2010, hơn 5,9 triệu người được nhận trợ cấp với số tiền 500 baht/tháng. Chương trình chiến lược quốc gia lần thứ hai về người già giai đoạn 2002 – 2021 đã xác định người cao tuổi không phải là nhóm dễ bị tổn thương hay gánh nặng của xã hội mà được coi là một nguồn lực để phát triển xã hội. Vì vậy, người cao tuổi cần phải được chăm sóc và phát huy vai trò nhằm đảm bảo một cuộc sống giá trị, khỏe mạnh; được thỏa mãn nhu cầu, mong muốn của tuổi già. Vì thế, nhà nước, gia đình và cộng đồng có trách nhiệm chia sẻ và giúp đỡ người già.

Một vấn đề đang đặt ra cho việc hỗ trợ người già hiện nay ở Thái Lan là mức lợi ích của trợ giúp người già (Chương trình

OAA) chưa phù hợp với thực tế khi mức chi phí sinh hoạt nói chung, đối với người già nói riêng, đã thay đổi đáng kể. Các phúc lợi cho đối tượng này được ban hành cách đây 1 thập kỷ và đến nay vẫn chưa được điều chỉnh phù hợp khi mà hiện tại chi phí sinh hoạt đã tăng lên. Vì thế, nếu không có sự điều chỉnh, các quyền lợi cho người già sẽ bị tác động và ảnh hưởng đến OAA với tư cách là trụ cột quốc gia về quyền được đảm bảo thu nhập khi về già. Việc hỗ trợ tài chính cho người cao tuổi sẽ không khó thực hiện khi thông qua chương trình OAA hiện có khi nguồn tài chính này đang do nhà nước trợ cấp. Rõ ràng, dù Thái Lan đã rất nỗ lực trong hỗ trợ cho người già, song vẫn còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết để sớm cải thiện cuộc sống cho lớp người này hiện nay và trong thời gian tới.

1.2. Chính sách phúc lợi cho người nghèo

Nhìn chung, tỷ lệ nghèo ở Thái Lan đã giảm từ 65,2% năm 1988 xuống còn 9,85% năm 2018 theo chuẩn nghèo quốc gia và tình trạng nghèo cùng cực đã được xóa bỏ hoàn toàn. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo chính thức tăng nhẹ trong năm 2016 và một lần nữa vào năm 2018⁽⁴⁾. Không giống như các giai đoạn tăng tỷ lệ nghèo trước đây, những giai đoạn này không trùng với các cuộc khủng hoảng tài chính. Thay vào đó, thu nhập từ trang trại, kinh doanh và tiền lương giảm là những yếu tố đóng góp lớn nhất. Nghèo đói tập trung nhiều nhất ở trẻ em và người già và ở các vùng nông thôn.

Các chương trình nhằm mục tiêu giảm nghèo đói như Thẻ Phúc lợi Nhà nước

(SWC), mạng lưới an sinh xã hội cơ bản của Thái Lan dành cho người nghèo và cận nghèo triển khai thông qua kê khai và kiểm tra thu nhập, tài sản để xác định điều kiện nhận trợ cấp. Để đủ điều kiện, người nộp đơn phải chứng minh rằng họ kiếm được ít hơn 100.000 Baht/năm, sở hữu tài sản trị giá dưới 100.000 Baht và sở hữu tài sản dưới ngưỡng quy định. Nếu người thụ hưởng kiếm được ít hơn 30.000 Baht/năm, họ sẽ nhận được quyền lợi cao hơn và có thể đủ điều kiện cho các chương trình khác. Chương trình SWC sử dụng phương thức "tiền mặt", cung cấp các khoản trợ cấp hàng tháng mua thực phẩm, phương tiện đi lại và các tiện ích được liên kết với thẻ chip. Ngưỡng thu nhập 30.000 Baht thấp hơn để được đưa vào SWC xấp xỉ chuẩn nghèo bình quân đầu người của quốc gia là 2.710 Baht/tháng, hoặc 32.520 Baht/năm. Năm 2017, chỉ dưới 3/4 số người sở hữu SWC (74%) đã khai báo thu nhập của họ là từ 0 Baht đến 30.000 Baht/tháng và 26% đã khai báo thu nhập từ 30.001 Baht đến 100.000 Baht⁽⁵⁾. Việc tham gia vào chương trình SWC cũng mang lại khả năng hội đủ điều kiện cho các lợi ích và dịch vụ khác, phù hợp với xu hướng hướng tới mục tiêu giảm nghèo nhiều hơn. Năm 2019, ngưỡng thu nhập để được nhận Trợ cấp Hỗ trợ Trẻ em (CSG) đã được nâng lên 100.000 Baht/người để phù hợp với chương trình SWC. Nếu tất cả những người trưởng thành trong một hộ gia đình đăng ký CSG đều có SWC, thì quy trình trước đây để đánh giá thu nhập và tài sản không còn được áp dụng nữa. Trước đây, ngưỡng này là 36.000 Baht/năm. Theo đó, chủ thẻ SWC cao tuổi có thu nhập dưới 30.000

Baht/năm đủ điều kiện nhận hỗ trợ tiền mặt 100 Baht/tháng. Những người có thu nhập từ 30.001 - 100.000 Baht/năm nhận được 50 Baht/tháng cùng với các khoản trợ cấp thông thường⁽⁶⁾. Còn chủ thẻ có thu nhập dưới 30.000 Baht/năm đủ điều kiện tham gia các khóa đào tạo nghề miễn phí theo một chương trình được thiết kế để thúc đẩy việc làm cho nhóm người nghèo nhất. Cuối năm 2019, chủ sở hữu SWC đã nhận được khoản phúc lợi tối đa là 500 Baht/tháng trong ba tháng như một phần của gói kích thích kinh tế. Năm 2020, để đối phó với cuộc khủng hoảng COVID-19, các chủ sở hữu SWC đã nhận được quyền lợi đầu vào của 1000 Baht/tháng trong các tháng từ tháng 4, tháng 5 và tháng 6 và 500 Baht/tháng trong ba tháng từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2020.

Với sự nỗ lực của Chính phủ, doanh nghiệp và chính cả người dân, số lượng người nghèo ở Thái Lan không chỉ giảm dần mà bản thân họ vẫn đang được bảo trợ thông qua nhiều hình thức khá đa dạng. Với mức trợ cấp tuy không lớn, song với những người nghèo, đây thực sự là "cứu cánh" cần thiết.

1.3. Chính sách phúc lợi dành cho các chương trình trợ cấp khẩn cấp

Trợ giúp xã hội ở Thái Lan ngoài hỗ trợ cho các đối tượng yếu thế còn cung cấp tài chính cho các đối tượng chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh. Việc trợ cấp trong đợt khủng hoảng do COVID -19 là một minh chứng về mục đích và hoạt động của bảo trợ xã hội Thái Lan. Theo đó, dựa trên tình hình kinh tế đất nước, nhất là xuất phát từ đặc điểm của thị trường lao động,

Chính phủ Thái Lan đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động.

Năm 2020, Chính phủ Thái Lan đã khởi xướng một chương trình trợ giúp xã hội nhanh chóng, toàn diện và hiệu quả, ước tính đã tiếp cận được hơn 30 triệu cá nhân (khoảng 81,5% hộ gia đình). Chương trình bao gồm việc huy động các gói khẩn cấp mới cho người lao động và nông dân phi chính thức, mở rộng các gói trợ giúp xã hội hiện có cho người già, người khuyết tật, trẻ em các gia đình nghèo và cho những người nhận chương trình Thẻ phúc lợi nhà nước (SWC). Tổng chi phí chuyển tiền ước tính khoảng 386 tỷ Baht, tương đương 38,6% trong gói phục hồi và ứng phó khẩn cấp trị giá một nghìn tỷ Baht của chính phủ. Con số này chiếm 2,29% Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và được bổ sung vào chi trợ giúp xã hội thường xuyên⁽⁷⁾.

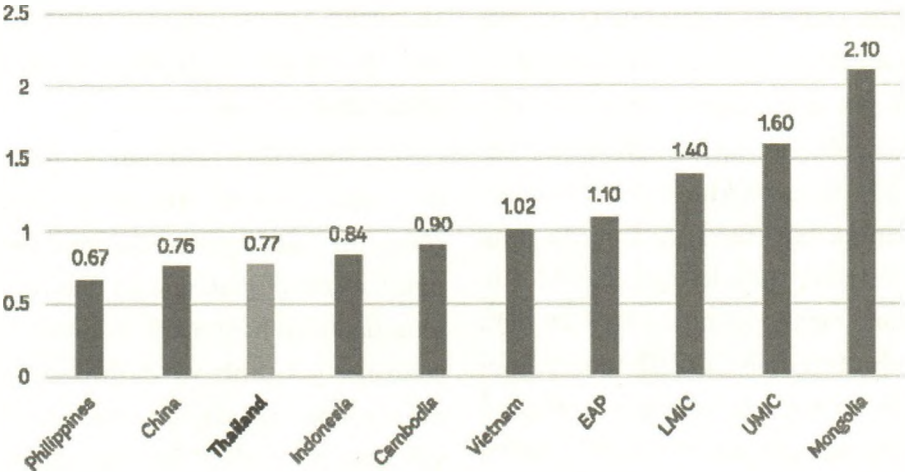
Đầu năm 2021, Chính phủ Thái Lan đã lên kế hoạch chi 225 tỷ Baht (7,2 tỷ USD) để hỗ trợ tài chính cho nhóm đối tượng thu nhập thấp bị ảnh hưởng do dịch bệnh. Theo đó, Nội các Thái Lan đã thông qua hai chương trình cung cấp tiền mặt kéo dài 1 tháng với tổng ngân sách 85,5 tỷ Baht, 140 tỷ Baht cho các chủ thẻ Phúc lợi xã hội và nhóm đặc biệt khác nhằm kích thích tiêu dùng nội địa và hỗ trợ những gia đình khó khăn⁽⁸⁾.

1.4. Đánh giá phúc lợi xã hội

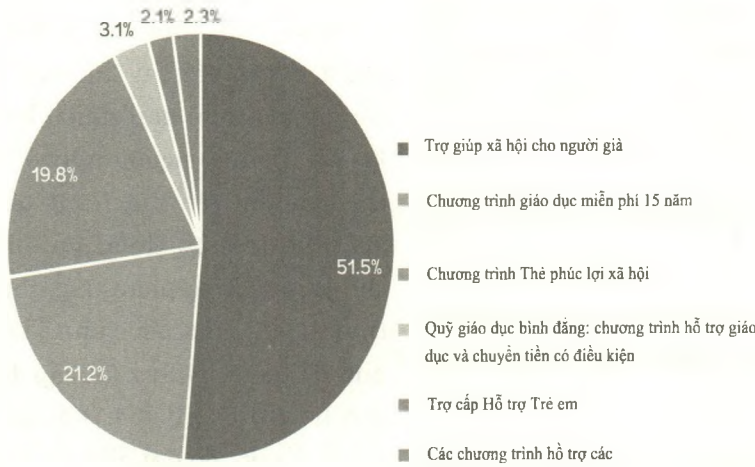
Thông qua dữ liệu Chi tiêu Chính phủ cho các chương trình bảo trợ cho thấy xu hướng chi cho bảo trợ xã hội của Thái Lan ngày càng tăng. Chi cho trợ giúp xã hội đã tăng hơn 50% từ năm 2010 đến 2018, từ 0,5% GDP lên 0,77% GDP. Thái Lan đã

thành công trong việc mở rộng phạm vi bao phủ của các chương trình bảo vệ sức khỏe thông qua ba chương trình bảo hiểm y tế công cộng vào năm 2002. Năm 2018, 75% dân số được tiếp cận chương trình Bảo hiểm Y tế Toàn dân (UHC) với chi phí 0,8% GDP. Những người dân còn lại được bảo hiểm y tế xã hội thông qua Quỹ Bảo hiểm xã hội (SSF) (16%) và một chương trình dành riêng cho công chức (9%). Những nỗ lực này đã làm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế và công bằng xã hội, đồng thời giúp giảm gánh nặng tài chính và nguy cơ nghèo đói liên quan đến chi phí chăm sóc sức khỏe. Tỷ lệ chi tiêu cho y tế “cứu sống” (được định nghĩa là hơn 10% chi tiêu hộ gia đình) đã giảm từ 7,1% vào năm 2000 (thời kỳ trước khi bao phủ y tế toàn dân) xuống chỉ còn 2% sau đó⁽⁹⁾. Chi hỗ trợ xã hội đã tăng lên đáng kể trong thập kỷ qua. Năm 2010, Thái Lan đã chi khoảng 0,5% GDP cho các chương trình trợ cấp xã hội (Social Assistance-SA), đến năm 2018, con số này tăng lên mức khoảng 0,77% GDP với sự ra đời của các chương trình Thẻ Phúc lợi (SWC) (chiếm 0,15% GDP năm 2018) và Hỗ trợ cho trẻ em (Child Support Grant-CSG) (chiếm 0,02% GDP năm 2018), mở rộng Trợ cấp Tuổi già (từ 0,3% năm 2010 lên 0,39 vào năm 2018)⁽¹⁰⁾.

Mặc dù vậy, chi tiêu của Thái Lan cho các chương trình trợ giúp xã hội vẫn tương đối thấp so với các nước khác. Ngân sách dành cho trợ giúp xã hội của Thái Lan là 0,77% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương (1,1 % GDP) và chi tiêu trung bình



Hình 1: Chi tiêu trợ giúp xã hội của Thái Lan so với một số quốc gia và khu vực (%GDP)
Nguồn: World Bank Group Bangkok (2021)



Hình 2: Phân bổ Chi tiêu trợ giúp xã hội của Thái Lan năm 2018
Nguồn: World Bank Group Bangkok (2021) Towards Social Protection 4.0 and Assessment of Thailand's Social Protection and Labor Market Systems.

của các nước có mức thu nhập tương tự (1,6 % GDP ở các nước có thu nhập trung bình trên), tương đương với Trung Quốc (0,76%) và Indonesia (0,84%) (Xem hình 1).

Trợ giúp cho người già (Old Age Allowance-OAA) chiếm hơn một nửa Ngân sách chi cho trợ giúp xã hội của Thái Lan (51,5%). Tỷ trọng cao nhất tiếp theo thuộc về Chương trình giáo dục miễn phí 15

năm (21,2%) bao gồm chi bằng các tiền mặt và hiện vật, tiếp theo là Chương trình Thẻ phúc lợi xã hội (State Welfare Card-SWC) (19,8%). Trợ cấp Hỗ trợ Trẻ em (Child Support Grant-CSG) chiếm 2,3% chi tiêu trợ giúp xã hội trong năm 2018, mặc dù con số này có thể đã tăng lên với sự mở rộng gần đây của chương trình. (Xem hình 2)

Nhìn chung, chính sách phúc lợi xã hội của Thái Lan được triển khai khá đồng bộ và đã tiếp cận được những đối tượng cần trợ giúp là người già, người nghèo và những người có hoàn cảnh khó khăn. Tỷ lệ bao phủ trợ giúp xã hội của Thái Lan đã tăng lên đáng kể trong thập kỷ qua, đặc biệt là đối với nhóm người nghèo nhất. Các biện pháp ứng phó Đại dịch COVID-19 của Thái Lan cũng tỏ ra rất hào phóng với việc hỗ trợ khá rộng rãi cho các nhóm dân cư và mang lại hiệu quả xã hội cao. Chính sách phúc lợi xã hội của Thái Lan cũng thường đi kèm với các biến động chính trị và được các chính phủ sử dụng như một trong những công cụ trấn an người dân và cho đến nay các chính sách này vẫn được các Chính phủ sử dụng hiệu quả

2. Hàm ý cho Việt Nam về phúc lợi xã hội

2.1. Một số vấn đề đặt ra cho chính sách phúc lợi xã hội của Việt Nam hiện nay

Quy luật chung của nền kinh tế thị trường là kinh tế tăng trưởng nhanh thì phân hóa giàu nghèo cũng có xu hướng gia tăng, sự chênh lệch này thể hiện ở thu nhập và mức sống của các nhóm dân cư, cao hơn nữa là quyền sở hữu tài sản, bất động sản và tiền vốn. Mặt khác, với quy luật phát triển không đồng đều, trong xã hội luôn tồn tại một bộ phận nghèo tương đối, trong đó có đối tượng bảo trợ xã hội, vì họ là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi trong cuộc sống và phần lớn do hoàn cảnh khách quan đưa đến; ngược lại, một bộ phận dân cư khác do có điều kiện và cơ hội

thuận lợi hơn sẽ giàu lên nhanh chóng và làm cho xã hội có sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội.

Tại Việt Nam, sau hơn 35 năm đổi mới, các chính sách về phúc lợi xã hội, nhất là công tác giảm nghèo, tạo việc làm, ưu đãi người có công, giáo dục và đào tạo, y tế, trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công tác gia đình và bình đẳng giới,... đạt được những thành tựu đáng kể. Đời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và sự ổn định chính trị - xã hội.

Trong thời gian xảy ra dịch bệnh Covid-19, đặc biệt với chỉ thị cách ly xã hội, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, nhất là với những người nghèo, những người thuộc nhóm yếu thế. Công tác trợ giúp đột xuất, hỗ trợ sau thiên tai, dịch bệnh được chú trọng, có sự phản ứng nhanh nhạy, kịp thời từ phía nhà nước như Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xuất cấp 141.971,19 tấn gạo hỗ trợ cho 9.464.746 người (2.412.311 hộ) thiếu đói do đại dịch COVID-19. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội được giao chủ trì việc thực hiện các Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1.7.2021 (Gói 26.000 tỉ đồng), số 116/NQ-CP ngày 24.9.2021 (Gói 38.000 tỉ đồng), số 126/NQ-CP ngày 8.10.2021 của Chính phủ và các Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7.7.2021, số 28/2021/QĐ-TTg ngày 1.10.2021, số 33/2021/QĐ-TTg ngày 6.11.2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19⁽¹¹⁾.

Tuy nhiên, trong việc bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế trong chính sách bảo trợ xã hội nổi cộm lên những vấn đề sau:

Thứ nhất, độ bao phủ đối tượng bảo trợ xã hội còn thấp, có nhiều đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhưng chính sách bảo trợ xã hội chưa đáp ứng được vì nhiều lý do khác nhau, song chủ yếu vẫn là lý do thiếu nguồn ngân sách để thực hiện, tình trạng “cào bằng” trong thực hiện chính sách đã khiến một số người thực sự cần trợ cấp xã hội hàng tháng lại không được thụ hưởng. Ví dụ, người già không có lương hưu, không có nguồn thu nhập phải sống phụ thuộc gia đình, con cháu; phụ nữ đơn thân nuôi con; những người có thu nhập thấp không bảo đảm mức sống tối thiểu... Một số chế độ ưu đãi đang thực hiện đối với người có công với cách mạng chưa thật sự đảm bảo hài hòa giữa các đối tượng. Đối tượng người có công chưa được làm rõ về điều kiện, tiêu chí mức độ cống hiến, đóng góp, hy sinh nên thực tiễn thời gian qua, đã có nhiều trường hợp khai man, gian lận, làm giả hồ sơ người có công để “trục lợi” chính sách ưu đãi; những người không đúng đối tượng vẫn được hưởng chính sách, những người đúng đối tượng nhưng lại chưa được giải quyết do thiếu hồ sơ, giấy tờ.

Thứ hai, chế độ trợ cấp xã hội còn thấp, chỉ đảm bảo hỗ trợ được một phần nhu cầu thiết yếu, chưa tương xứng với chính sách. Năm 2007, mức lương cơ sở là 450 nghìn đồng (Nghị định số 94/2006/NĐ-CP) thì mức chuẩn trợ cấp xã hội (120 nghìn đồng) bằng 26,6%; năm 2010, mức lương cơ sở là 730 nghìn đồng (Nghị định số 28/2010/NĐ-

CP) thì mức chuẩn trợ cấp xã hội (180 nghìn đồng) bằng 24,6%; năm 2013, mức lương cơ sở là 1.150 nghìn đồng (Nghị định số 66/2013/NĐ-CP) thì mức chuẩn trợ cấp xã hội (270 nghìn đồng) bằng 23,47%. Năm 2019, mức lương cơ sở là 1.490 nghìn đồng (Nghị định số 70/2018/NĐ-CP) thì mức chuẩn trợ cấp xã hội bằng 18,12%. Như vậy, có thể thấy, mức chuẩn trợ cấp xã hội so với tiền lương cơ sở có xu hướng giảm dần từ 26,6% năm 2007 xuống còn 18,12% năm 2019 (giảm gần 1/3)⁽¹²⁾. Vì vậy, hiệu quả chính sách chưa cao, chưa hỗ trợ được nhu cầu thiết yếu của đối tượng bảo trợ xã hội, cần điều chỉnh mức chuẩn phù hợp để từng bước bảo đảm an sinh xã hội cho nhóm dân cư yếu thế.

Thứ ba, vấn đề già hóa dân số mà Việt Nam sẽ đối mặt trong tương lai cần được cân nhắc kỹ với các chính sách an sinh. Diện bao phủ Bảo hiểm xã hội (BHXH) cho lực lượng lao động hiện nay còn thấp. Tính đến ngày 31/5/2022, tổng số đối tượng tham gia BHXH bắt buộc là 16,741 triệu người, đạt 33,8% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 193,8 nghìn người so với cuối năm 2021; số người tham gia BHYT là 86,258 triệu người, đạt 94% kế hoạch, đạt tỷ lệ 87,2% dân số, giảm 2,578 triệu người so với cuối năm 2021⁽¹³⁾. Một vấn đề đáng quan ngại là tình trạng gia tăng số người rút BHXH một lần trong thời gian vừa qua. Theo thống kê của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, trong 10 tháng đầu năm 2021, 700.000 người lĩnh BHXH một lần đã tăng 5,45% so với cùng kỳ năm 2020⁽¹⁴⁾. Và số lao động nữ lựa chọn BHXH một lần cao hơn so với nam giới, điều này tác động đến chính sách an sinh khi về già của lao động

nữ nói riêng và lao động nói chung. Bảo hiểm y tế cũng đối mặt với nguy cơ không bền vững bởi có nhiều diễn biến phức tạp như dịch bệnh, mô hình bệnh tật thay đổi, xu hướng già hoá dân số. Bên cạnh đó, tình trạng lạm dụng, trục lợi Quỹ Bảo hiểm y tế từ phía cơ sở khám chữa bệnh và người bệnh vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Thứ tư, kết quả giảm nghèo dù đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận và đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra nhưng trên thực tế vẫn chưa bền vững. Tỷ lệ tái nghèo trong 4 năm (2016 - 2019) bình quân vẫn còn 4,09%/năm so với tổng số hộ thoát nghèo (giai đoạn trước, tỷ lệ tái nghèo khoảng 12%/năm); tỷ lệ hộ nghèo phát sinh tương đối lớn, trung bình giai đoạn 2016 - 2019 bằng 21,8% so với tổng số hộ thoát nghèo⁽¹⁵⁾. Tỷ lệ hộ nghèo giảm không đồng đều trong các vùng của cả nước, đối tượng nghèo vẫn tập trung vào đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực đặc biệt khó khăn, chủ yếu ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, trong đó “lỗi nghèo” tập trung nhiều ở khu vực các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, nhất là khu vực miền núi Tây Bắc.

2.2. Một số hàm ý cho Việt Nam

Từ thực tế nghiên cứu phúc lợi xã hội ở Thái Lan cho thấy, đây là lĩnh vực vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo cuộc sống cho người dân, ổn định xã hội và an ninh quốc gia. Việc thực hiện bảo trợ xã hội sẽ là lưới an toàn để hỗ trợ cho những người dễ bị tổn thương và luôn ở trong tình trạng rủi ro, bất an. Thái Lan nhận thức rõ điều đó và đã nỗ lực xây dựng một hệ thống ASXH và bảo trợ xã hội khá toàn diện và

đã bao phủ gần như toàn bộ người dân. Tuy vậy, đây vẫn là lĩnh vực mà Thái Lan cũng như nhiều quốc gia khác, trong đó có Việt Nam, đã đang và sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức khó khăn cả hiện tại và lâu dài. Từ nghiên cứu lĩnh vực ASXH và bảo trợ xã hội ở Thái Lan, có thể gợi ý một vài kinh nghiệm cho Việt Nam.

Thứ nhất, ASXH nói chung, phúc lợi xã hội nói riêng là lĩnh vực quan trọng và cần được quan tâm, điều chỉnh thường xuyên để đáp ứng nhu cầu đang tăng lên của người dân và nhất là đối với các đối tượng yếu thế. Vì thế, cần tiếp tục hoàn thiện những căn cứ pháp lý cần thiết: Luật pháp, các quy định hướng dẫn nhằm làm cơ sở để triển khai các tổ chức hoạt động của bảo trợ xã hội. Theo đó, Việt Nam cần rà soát lại các quy định để sớm loại bỏ những văn bản lỗi thời không phù hợp và bổ sung những quy định mới đầy đủ và kịp thời hơn. Việc minh bạch các nguồn tài chính và cấu trúc lại hệ thống ASXH và bảo trợ xã hội là cần thiết nhằm tăng hiệu quả của hệ thống và tránh tiêu cực lãng phí các nguồn lực quan trọng này. Việc chi trả cũng cần được thực hiện qua hệ thống thẻ thanh toán dựa trên hệ thống dữ liệu quốc gia đồng bộ và nhận diện qua số Căn cước công dân để đảm bảo chi trả đúng và đủ. Kinh nghiệm quản lý Quỹ và chi trả qua thẻ của Thái Lan có thể là một mẫu hình tốt đối với Việt Nam.

Thứ hai, cần đa dạng hơn các loại hình, các chế độ cho các đối tượng được hỗ trợ. Đặc biệt cần quan tâm đến người già - lớp người sẽ tăng lên khá nhanh trong thời gian tới khi xã hội Việt Nam đang vào

nhóm quốc gia bị già hóa nhanh nhất thế giới. Theo kết quả nghiên cứu chuyên sâu Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2019, cả nước có 11,4 triệu người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên, chiếm 11,86% tổng dân số, và chỉ số già hóa tăng từ 35,9% vào năm 2009 lên 48,8% vào năm 2019⁽¹⁶⁾. Giai đoạn 2026 - 2039, Việt Nam vẫn trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng nhưng tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên đã tăng và đạt trên 10% vào năm 2026. Đây là giai đoạn Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già. Vì thế, nếu không có chiến lược mới về người già ngay từ bây giờ sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn trong tương lai đối với kinh tế xã hội của đất nước nói chung, lớp người cao tuổi nói riêng. Các mô hình chi trả trợ cấp và chăm sóc người già ở nhà của Thái Lan có thể làm một tham chiếu vì tình trạng già hóa dân số của Thái Lan diễn ra trước Việt Nam.

Thứ ba, đa dạng các nguồn kinh phí và các loại hình hỗ trợ cho những đối tượng yếu thế, nhất là đối với người già và người nghèo. Đây là cách thức hữu hiệu để cải thiện cuộc sống cho các đối tượng này. Thái Lan đã nỗ lực để trợ giúp các đối tượng này thông qua việc xây dựng các Trung tâm chăm sóc người già và đảm bảo thu nhập nhờ có nhiều nguồn khi về già (bảo hiểm, trợ cấp, huy động sự giúp đỡ của cộng đồng...). Việc tạo sự kết nối giữa các bệnh viện, trung tâm dưỡng lão, người chăm sóc... và các gia đình của người già là kinh nghiệm tốt của Thái Lan mà Việt Nam cần học tập, tham khảo. Để giúp người nghèo, người già,... và các đối tượng yếu thế khác có cuộc sống đảm bảo, không chỉ dựa vào các khoản trợ cấp mà cần tạo

điều kiện cho họ tham gia lao động và các hoạt động xã hội. Cần thay đổi quan điểm không nên coi các đối tượng này là gánh nặng mà cần phải xác định đó là nguồn lực để động viên, sử dụng, hỗ trợ để giúp cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho chính họ cũng như hòa nhập tốt hơn với cộng đồng.

Thứ tư, cần tập trung đầu tư và lựa chọn các loại hình trợ cấp phù hợp với nhu cầu và thực trạng của các đối tượng cần bảo trợ xã hội. Tránh tình trạng thực hiện theo phong trào, dàn trải, chồng chéo và không hiệu quả (việc cấp Thẻ bảo hiểm Y tế, hỗ trợ hộ nghèo...) vừa qua ở Việt Nam là một thực tế về sự quan liêu lãng phí, không công bằng, gây bức xúc cho xã hội. Vì thế, cần đầu tư nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm trong nước, quốc tế (trong đó có Thái Lan) để tìm kiếm các mô hình ASXH nói chung, bảo trợ xã hội nói riêng, phù hợp với điều kiện khả năng của Việt Nam cũng như của các vùng miền, địa phương trong cả nước, đảm bảo các mục tiêu mà Đảng và nhà nước đã đề ra.

Thứ năm, cần tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ nguồn lực (tài chính, trang thiết bị, nhân lực) để tiếp tục hoàn thiện các chính sách, mô hình và cách thức thực hiện an sinh xã hội nói chung, bảo trợ xã hội nói riêng của nước ta trong bối cảnh mới, đặc biệt là trong các trường hợp ứng phó khẩn cấp.

Kết luận

Đảm bảo an sinh xã hội nói chung và phúc lợi xã hội với các đối tượng yếu thế nói riêng là một vấn đề lớn, phức tạp đối

với các nước, trong đó có Thái Lan và Việt Nam. Mặc dù các chính sách phúc lợi xã hội của Thái Lan thường mang nhiều hàm ý chính trị và có xu hướng gắn với mục tiêu của các đảng chính trị nhưng đích đến vẫn là nâng cao phúc lợi cho người dân. Ưu điểm của các chính sách phúc lợi xã hội của Thái Lan là diện bao phủ rộng, đa dạng cùng phương thức chi trả linh hoạt, minh bạch. Thái Lan cũng đi trước Việt Nam về công tác chăm lo cho người già, một thực tế già hóa dân số cần được cân nhắc và tính toán trong các chính sách an sinh. Những kinh nghiệm của Thái Lan thực sự là những bài học tham khảo tốt cho Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng chính sách phúc lợi xã hội, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh nước ta hiện nay và trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Statista-com/statistics/713667/thailand-posecast-ageing-population, truy cập 11/5/2022.
2. ADB (2020). *Aging Asia and The Pacific: Lessons from Thailand's National community-based long-term care program for older persons* Lessons from Thailand's National Community-Based Long-Term Care Program for Older Persons | Asian Development Bank (adb.org)
3. Knodel, J. T., Bussarawan; Pothisiri, Wiraporn (2018). *Caring for Thai older persons with long-term care needs*. Journal of aging health, 30(10), 1516-1535.
4. Yang, Judy, Wang, Shiyao, Hansl, Bigit, Zaidi, Salman, Milne, Peter Kjaer (2020), *Taking the Pulse of Poverty and inequality in Thailand*. Washington DC: World Bank Group.
5. FPO Symposium 2019...<http://w.w.w.pro.go.th/main/General-infomation-public-service/fpo-symposiumng11123.aspx>
6. NCOP (National Commission on Older Persons) (2019), *The Situation of Thai Elderly 2019*, National Commission on Older Persons.
7. World Bank (2021), *Towards Social Protection 4.0: An Assessment of Thailand's Social Protection and Labor Market Systems*. World Bank, Bangkok. © World Bank. <https://open-knowledge.worldbank.org/handle/10986/35695> License: CC BY 3.0 IGO." T.13
8. Bộ Công thương Việt Nam "Thái Lan lên kế hoạch giải cứu nền kinh tế", <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thai-lan-len-ke-hoach-giai-cuu-nen-kinh-te.html>. Truy cập ngày 28/8/2022
9. Paek, Sueng Chum, Natthani Meemon and Thomas T.H. Wan (2016), *Thai lan's universal converge scheme and its Impact on health-Seeking behavior*, Springer Plus 5(1) 1952
10. Lamanna,Francesca; Sharpe,Joanne; Jain,Him anshi; Marskell,Jonathan Daniel; Moroz,Harry Edmund; Palacios,Robert J. *Towards Social Protection 4.0 : An Assessment of Thailand's Social Protection and Labor Market Systems (English)*. Washington, D.C. : World Bank Group. Date 2021/06/14
11. Anh Thư (2021), *Nhìn lại việc thực hiện gói hỗ trợ doanh nghiệp, lao động năm 2021*, <https://laodong.vn/cong-doan/nhin-lai-viec-thuc-hien-goi-ho-tro-doanh-nghiep-lao-dong-nam-2021-990532.ldo> truy cập lần cuối 31/8/2022
12. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2021), *Từng bước mở rộng diện bao phủ chính sách trợ giúp xã hội*, <https://baohiemxahoi.gov.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/lists/news&ItemID=16273&IsTA=False> truy cập lần cuối 31/8/2022
13. Thực hiện ngay các giải pháp phát triển người tham gia BHXH, BHYT (tapchibaohiemxahoi.gov.vn) truy cập 10/8/2022
14. Thu Hằng (2021), *Hơn 700.000 người rút bảo hiểm xã hội 1 lần*, <https://thanhnien.vn/hon-700-000-nguoi-rut-bao-hiem-xa-hoi-1-lan-post1403580.html#:~:text=Thu%20H%E1%BA%B1ng&text=T%C3%ADnh%20%C4%91%E1%BA%BFn%20h%E1%BA%BFt%20th%C3%A1n g%2010.2021,Nam%20c%C3%B4ng%20b%E1%BB%91%20ng%C3%A0y%2021.11>. truy cập lần cuối 31/8/2022
15. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội*
16. Tổng cục thống kê (2020), *Kết quả của Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2019* đã được công bố vào ngày 19/12/2019.